

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt - Cán bộ hưu trí Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Võ Thị Hồng Vân - Cán bộ Hội liên H phụ nữ phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1615/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 347 đường H, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: 427A đường H, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 14/12/2018, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:

Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau từ năm 1999. Có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền 1/98-99, cấp ngày 01/11/1999.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng những năm gần đây đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân do ông L có tính gia trưởng, thường xuyên bạo hành và la mắng vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đã chuyển sang nhà anh trai ở và ly thân với ông L từ ngày 13/7/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung

- Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/6/2007

- Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/7/2000

Con chung Nguyễn Thị Yến N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu được ly hôn bà yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng H, không cần ông L cấp dưỡng nuôi con.

Trước đây bà phải bỏ nhà đi do không chịu nổi tính gia trưởng của ông L, khi ở chung bà thường xuyên bị ông L bạo hành. Hiện nay bà đang ở ổn định tại nhà anh trai tại số 347 đường HT13, Khu phố 3, phường H Thành, Quận 12 và đã mở tiệm may quần áo tại đây, thu nhập tháng khoảng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Nếu được trực tiếp nuôi con, bà hoàn toàn có thể đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón và giáo dục cháu H. Ngoài ra, bà còn được sự hỗ trợ của gia đình anh trai. Bà cho rằng ông L không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc con, bản thân ông L là tài xế nên thường xuyên phải đi đêm và công tác xa nhà. Từ ngày 25/01/2019, các con cũng đã về ở chung với bà.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông Nguyễn Thành L xác định quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đúng như lời trình bày của bà B. Những khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, trong lúc nóng giận ông thừa nhận đã có những hành động không đúng với bà B. Tại các lần làm việc trước đây ông đều đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa ông thấy do vợ chồng chưa thỏa thuận được về tài sản nên không đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Có 02 con chung

- Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/6/2007

- Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/7/2000

Con chung Nguyễn Thị Yến N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng H, không cần bà B cấp dưỡng.

Hiện nay ông làm tài xế xe Container, thu nhập tháng khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Do tính chất công việc nên không thể ở nhà cả ngày với con được. Nhưng nếu được trực tiếp nuôi con, ông hoàn toàn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón và giáo dục. Ông cho rằng bà B không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc con vì bản thân bà B còn phải lo ăn từng bữa và đang phải ở nhờ nhà anh trai. Việc từ ngày 25/01/2019, các con về ở cùng bà B là do đang nghỉ tết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56, luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

Về quan hệ con chung: Xét lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Hoàng H căn cứ khoản 2 Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L cùng xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Quận 12.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã đủ cơ sở xác định.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển 1/98-99, cấp ngày 01/11/1999 do UBND xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L tại Hội phụ nữ phường H Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông L có hành vi bạo hành gia đình khi hai vợ chồng cãi nhau.”

Bà Hoàng Thị B có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Thành L. Ông L và bà B đã ly thân từ ngày 13/7/2018. Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải thì bà B ông L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được và thuận tình ly hôn. Tuy Nên, tại phiên tòa ông L lại cho rằng do vợ chồng chưa thỏa thuận được tài sản chung nên không đồng ý ly hôn như vậy ông L không còn tha thiết cuộc sống hôn nhân với bà B.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[2.2]. Về con chung: Bà B và ông L xác định có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/6/2007 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/7/2000.

Con chung Nguyễn Thị Yến N hiện đã trưởng thành.

Bà B và ông L đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoàng H.

Ngày 18/01/2019 tại biên bản lấy lời khai cháu H cho biết nguyện vọng là vẫn muốn bố mẹ chung sống với nhau nhưng nếu bố mẹ không ở được với nhau thì muốn được ở với mẹ. Hiện ông L và bà B đều có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Nhưng ông L hiện đang làm tài xế nên thường xuyên phải đi đêm và công tác xa nhà, còn bà B hiện đang mở tiệm may quần áo tại nhà nên có Nều thời gian và điều kiện để chăm sóc con hơn. Từ ngày 25/01/2019, các con cũng đã về ở chung với bà B.

Cháu H đang trong độ tuổi rất cần có sự quan tâm, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và đảm

bảo quyền lợi của con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, học hành, sự ổn định về tinh thần, sức khỏe của cháu H.

Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu H cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ghi nhận việc bà B không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L cùng xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến đều phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của bà Hoàng Thị B được chấp nhận, nên bà B phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 58 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật thì giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền 1/98-99, cấp ngày 01/11/1999 của UBND xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương không còn giá trị pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L có 02 (hai) con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/6/2007 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 14/7/2000.

Con chung Nguyễn Thị Yến N hiện đã trưởng thành.

Giao con chung Nguyễn Hoàng H cho bà Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Thành L do bà Hoàng Thị B chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Hoàng Thị B và ông Nguyễn Thành L cùng xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0045399 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Hà